

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN

Tên gói thầu : TV16 - Tư vấn Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khu số 1 của dự án (không bao gồm các công trình liên quan đến cấp điện, và bao gồm các hạng mục đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu số 1 và khu số 2

Dự án : Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, tỉnh Thái Nguyên

Phát hành ngày : Ngày 22/10/2026

Ban hành kèm : Số 90/TN-QĐ ngày 21/10/2026 của Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên

Tư vấn lập HSYC

Công ty Cổ phần CFTD Sáng tạo



GIÁM ĐỐC

Hoàng Quang Huy

Chủ đầu tư

Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên



GIÁM ĐỐC

Trần Anh Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Nội dung gói thầu

1. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu: TV16 - Tư vấn Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khu số 1 của dự án (không bao gồm các công trình liên quan đến cấp điện, và bao gồm các hạng mục đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu số 1 và khu số 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, tỉnh Thái Nguyên.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn vay, vốn tự có.

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: Theo tiến độ thi công (Dự kiến 15 tháng), được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành DVTV, không bao gồm thời gian giám sát tác giả (nếu có).

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.

3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:

a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu hoặc rút hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;

b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;

c) Nhà thầu, nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.

4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:

a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;

b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

5. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;

c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;

d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu;

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu;

Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC, nhà thầu gửi văn bản đến Chủ đầu tư trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

2. Trường hợp sửa đổi HSYC, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSDX cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDX được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).

Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mẫu số 01 Chương III ;

2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;

3. Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 8 Chương này;

4. Đề xuất về giá theo Mẫu số 12A, 12B, 13, 14 và 15 Chương III;

5. Các nội dung khác:

Nhà thầu cung cấp các tài liệu sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật của nhà thầu: Tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất; Hợp đồng tương tự và tài liệu chứng minh theo yêu cầu; Báo cáo tài chính năm tài chính gần nhất; Bảng cấp, chứng chỉ, tài liệu chứng minh khả

năng huy động nhân sự của nhà thầu và các tài liệu khác theo yêu cầu của HSYC.

- Tài liệu chứng minh khả năng đáp ứng điều kiện năng lực chuyên ngành: Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng trong lĩnh vực Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm: Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật và Tư vấn giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình Hạng II trở lên do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.

Mục 7. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu không phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12B Chương III.

2. Giá dự thầu phải bao gồm tất cả chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện hợp đồng ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian, giá dự thầu không bao gồm chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Mục 8. Thành phần đề xuất kỹ thuật

Căn cứ phạm vi DVTV hoặc các nội dung yêu cầu khác, Nhà thầu phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, nhân sự, tiến độ thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương III để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

Mục 9. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là 60 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Chủ đầu tư có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một (01) bản gốc và hai (02) bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên Chủ đầu tư bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 6 Chương I phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa

hoặc viết đề lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu

1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của chủ đầu tư nhưng phải đảm bảo chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu: 11 giờ ngày 29 tháng 10 năm 2026.

2. Mở thầu:

Chủ đầu tư tiến hành mở thầu bao gồm các nội dung sau:

- a) Kiểm tra niêm phong;
- b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu:
 - Tham dự độc lập hay liên danh;
 - Số lượng bản gốc, bản chụp;
 - Giá dự thầu chào trong đơn dự thầu;
 - Giá trị giảm giá (nếu có);
 - Thời gian có hiệu lực của HSDX;
 - Thời gian thực hiện gói thầu;
 - Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư và nhà thầu nộp HSDX. Biên bản này phải được gửi cho nhà thầu nộp HSDX. Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của HSDX.

Mục 12. Nhà thầu phụ

1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 11 Chương III. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.

Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDX hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.

2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá 20% giá dự thầu của nhà thầu. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh

đó đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.

Mục 13. Đánh giá HSĐX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng (nếu có), Chủ đầu tư mời nhà thầu xếp thứ nhất đến thương thảo hợp đồng. Trong quá trình thương thảo, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSĐX hợp lệ;
2. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)) thấp nhất và không vượt giá dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho nhà thầu tham dự thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện gói thầu.

b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

- Tên nhà thầu;
- Mã số thuế (nếu có);
- Giá dự thầu;
- Giá trúng thầu;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu đối với trường hợp Chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSĐX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện (nếu có) và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 17. Giải quyết kiến nghị

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Hội đồng giải quyết kiến nghị xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên. Địa chỉ: Nhà điều hành Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, Phường Bá Xuyên, Tỉnh Thái Nguyên.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên. Địa chỉ: Nhà điều hành Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, Phường Bá Xuyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng giải quyết kiến nghị: Tổ thẩm định Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên. Địa chỉ: Nhà điều hành Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, Phường Bá Xuyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Mục 18. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

Ưu đãi: *Không áp dụng.*

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSĐX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐX;
- b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế:
 Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (*Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022*);
- d) Hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- đ) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;
- e) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I;
- g) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

h) Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực: Không yêu cầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng HSDX được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật gồm các nội dung tại Bảng số 01 sau đây:

Bảng số 01

Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng HSDX được thực hiện theo phương pháp đạt - không đạt.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật gồm các nội dung tại Bảng số 01 sau đây:

Bảng số 01

Stt	Tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu		
	Số năm hoạt động trong lĩnh vực Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình tính đến thời điểm đóng thầu; 01 năm là đủ 12 tháng. Nhà thầu cung cấp đầy đủ thông tin tính hợp lệ hoặc tài liệu tương đương (Hồ sơ năng lực, ĐKKD, chứng chỉ năng lực (nếu có), hợp đồng tương tự...). Đối với nhà thầu liên danh, từng thành viên liên danh phải thỏa mãn yêu cầu này.	≥ 05 năm	< 5 năm
	1.2. Kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng tương tự	Đã và đang thực hiện tối thiểu 01 hợp đồng cung cấp dịch vụ Tư vấn giám sát thi công	Không có hợp đồng tương tự đáp ứng theo yêu cầu tại cột (3)

Stt	Tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
		xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật cấp II trở lên, các hợp đồng đã ký đến trước thời điểm đóng thầu. <i>Nhà thầu cung cấp đầy đủ hợp đồng, biên bản nghiệm thu sản phẩm tư vấn (khối lượng hoặc giá trị..) hoặc Biên bản thanh lý/hồ sơ quyết toán/hóa đơn GTGT hoặc tài liệu có xác nhận của Chủ đầu tư/Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chứng minh loại, quy mô, cấp công trình..</i> Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng về số lượng hợp đồng, quy mô tính chất dự án, giá trị hợp đồng tính bằng tỷ lệ % phân công việc của nhà thầu đảm nhận trong liên danh nhân với giá trị hợp đồng trên.	
	1.3. Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu		
	Uy tín của nhà thầu trong việc tham dự thầu.	Nhà thầu có văn bản cam kết và không có tên trong danh sách	Nhà thầu không có cam kết (kể cả khi đã làm rõ HSĐX (nếu

Stt	Tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
	Đối với nhà thầu liên danh, nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh bị đánh giá là có vi phạm một trong các hành vi vi phạm về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu trên mạng đấu thầu Quốc gia.	nhà thầu có hành vi vi phạm về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu trên mạng đấu thầu Quốc gia	có) hoặc có tên trong danh sách nhà thầu có hành vi vi phạm về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu trên mạng đấu thầu Quốc gia.
	Uy tín của nhà thầu về kết quả thực hiện hợp đồng. Đối với nhà thầu liên danh, nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh bị đánh giá là có vi phạm một trong các hành vi vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu trên mạng đấu thầu Quốc gia.	Nhà thầu có văn bản cam kết và không có tên trong danh sách nhà thầu có hành vi vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu trên mạng đấu thầu Quốc gia;	Nhà thầu không có cam kết (kể cả khi đã làm rõ HSDX (nếu có) hoặc có tên trong danh sách nhà thầu có hành vi vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu trên mạng đấu thầu Quốc gia
2	Giải pháp và phương pháp luận		
	a) Hiểu rõ mục đích và yêu cầu gói thầu nêu trong “Điều khoản tham chiếu”	Đáp ứng yêu cầu sau: Am hiểu chung về phạm vi, quy mô của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu.	Không trình bày về Am hiểu chung về phạm vi, quy mô của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu.
	b) Cách tiếp cận và phương pháp luận (xác định nhiệm vụ tư vấn, cách thức tiến hành,...)	Đáp ứng các yêu cầu sau: (1) Đề xuất kỹ thuật bao gồm tất cả các hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách tương đối hoàn chỉnh và logic.	Không đáp ứng một trong các yêu cầu tại cột (3)

Stt	Tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
		(2) Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ (3) Đề xuất trình bày rõ ràng.	
	c) Kế hoạch triển khai	Đáp ứng các yêu cầu sau: (1) Kế hoạch công việc bao gồm các nhiệm vụ để thực hiện gói thầu. (2) Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến. (3) Có bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo.	Không đáp ứng một trong các yêu cầu tại cột (3)
	d) Bố trí nhân sự	Bố trí nhân sự theo yêu cầu trong HSYC	Bố trí nhân sự không đáp ứng theo yêu cầu của HSYC
	đ) Cách trình bày đề xuất	Đáp ứng các yêu cầu sau: (1) Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi. (2) Đề xuất hoàn chỉnh và thuyết phục.	Không đáp ứng một trong các yêu cầu tại cột (3)
3	Nhân sự chủ chốt của nhà thầu	Cung cấp lý lịch nhân sự chủ chốt theo mẫu số 08 của HSYC	
	3.1. Giám sát trưởng	Số lượng: 01 người	Không đề xuất
	a) Bảng cấp, chứng chỉ (<i>cung cấp bản chụp/công chứng/chứng thực/sao y kèm theo để chứng minh</i>)	- Tốt nghiệp từ Đại học trở lên Chuyên ngành đào tạo về Xây dựng/Giao thông/Hạ	Không đáp ứng yêu cầu tại cột (3)

Stt	Tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
		tầng/Cấp, thoát nước/ Điện hoặc tương đương. - Có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trong lĩnh vực Giám sát công tác xây dựng công trình Hạng II trở lên và còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.	
	b) Tổng số năm kinh nghiệm tính từ ngày tốt nghiệp đến ngày có thời điểm đóng thầu	Tối thiểu 05 năm.	< 5 năm
	c) Kinh nghiệm làm Giám sát trưởng xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật cấp II trở lên (<i>Nhà thầu cung cấp tài liệu có xác nhận của Chủ đầu tư hoặc quyết định bổ nhiệm chức danh và vị trí công tác trong gói thầu để chứng minh kinh nghiệm tương tự của nhân sự; tài liệu chứng minh loại, cấp công trình của Chủ đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>).	Tối thiểu 01 công trình	Không đáp ứng yêu cầu tại cột (3)
	3.2. Giám sát viên công tác xây dựng	Số lượng: 3 người	
	a) Bằng cấp, chứng chỉ (<i>cung cấp bản chụp/công chứng/chứng thực/sao y kèm theo để chứng minh</i>)	- Tốt nghiệp từ Đại học trở lên Chuyên ngành về Xây dựng: 01 người; Giao thông/hạ tầng: 02 người; - Có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trong lĩnh vực Giám sát công tác xây dựng công trình Hạng II trở lên và còn hiệu lực	Có từ 01 nhân sự không đáp ứng yêu cầu tại cột (3)

Stt	Tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
		đến thời điểm đóng thầu.	
	b) Tổng số năm kinh nghiệm tính từ ngày tốt nghiệp đến ngày có thời điểm đóng thầu	Tối thiểu 03 năm.	Có từ 01 nhân sự không đáp ứng yêu cầu tại cột (3)
	c) Kinh nghiệm làm Giám sát công tác xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật/giao thông/dân dụng cấp II trở lên <i>(Nhà thầu cung cấp tài liệu có xác nhận của Chủ đầu tư hoặc quyết định bổ nhiệm chức danh và vị trí công tác trong gói thầu để chứng minh kinh nghiệm tương tự của nhân sự).</i>	Tối thiểu 01 công trình	Có từ 01 nhân sự không đáp ứng yêu cầu tại cột (3)
	3.3. Giám sát viên công tác lắp đặt thiết bị	Số lượng: 2 người	
	a) Bằng cấp, chứng chỉ <i>(cung cấp bản chụp/công chứng/chứng thực/sao y kèm theo để chứng minh)</i>	- Tốt nghiệp từ Đại học trở lên Chuyên ngành về Kỹ thuật điện: 01 người; Cấp, thoát nước: 01 người. - Có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trong lĩnh vực Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình Hạng II trở lên và còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.	Có từ 01 nhân sự không đáp ứng yêu cầu tại cột (3)
	b) Tổng số năm kinh nghiệm tính từ ngày tốt nghiệp đến ngày có thời điểm đóng thầu	Tối thiểu 03 năm.	Có từ 01 nhân sự không đáp ứng yêu cầu tại cột (3)
	c) Kinh nghiệm làm Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình Hạ tầng kỹ thuật/ giao thông/dân dụng cấp II trở lên <i>(Nhà thầu cung cấp tài liệu có xác nhận của Chủ đầu tư hoặc quyết định bổ nhiệm chức danh và vị trí công tác</i>	Tối thiểu 01 công trình	Có từ 01 nhân sự không đáp ứng yêu cầu tại cột (3)

Stt	Tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
	<i>trong gói thầu để chứng minh kinh nghiệm tương tự của nhân sự).</i>		
	3.4. Cán bộ giám sát trực đặc	Số lượng: 1 người	
	a) Bằng cấp, chứng chỉ (<i>cung cấp bản chụp/công chứng/chứng thực/sao y kèm theo để chứng minh</i>)	- Tốt nghiệp từ Đại học trở lên, Chuyên ngành đào tạo: Về trắc địa, bản đồ hoặc các chuyên ngành kỹ thuật xây dựng có liên quan. - Có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trong lĩnh vực Khảo sát xây dựng: Khảo sát địa hình hoặc Khảo sát địa chất công trình Hạng II trở lên và còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.	Không đáp ứng yêu cầu tại cột (3)
	b) Tổng số năm kinh nghiệm tính từ ngày tốt nghiệp đến ngày có thời điểm đóng thầu	Tối thiểu 03 năm.	Không đáp ứng yêu cầu tại cột (3)
	c) Kinh nghiệm làm Giám sát công tác xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật/ giao thông/dân dụng cấp II trở lên. (<i>Nhà thầu cung cấp tài liệu có xác nhận của Chủ đầu tư hoặc quyết định bổ nhiệm chức danh và vị trí công tác trong gói thầu để chứng minh kinh nghiệm tương tự của nhân sự</i>).	Tối thiểu 01 công trình	Không đáp ứng yêu cầu tại cột (3)

Stt	Tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
	3.5. Cán bộ giám sát An toàn lao động, vệ sinh môi trường	Số lượng: 1 người	
	a) Bằng cấp, chứng chỉ (<i>cung cấp bản chụp/công chứng/chứng thực/sao y kèm theo để chứng minh</i>)	- Tốt nghiệp từ Đại học trở lên chuyên ngành An toàn lao động, bảo hộ lao động (hoặc ngành kỹ thuật và có chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và còn hiệu lực).	Không đáp ứng yêu cầu tại cột (3)
	b) Tổng số năm kinh nghiệm tính từ ngày tốt nghiệp đến ngày có thời điểm đóng thầu	Tối thiểu 03 năm.	Không đáp ứng yêu cầu tại cột (3)
	c) Kinh nghiệm làm Giám sát công tác An toàn lao động, vệ sinh môi trường công trình Hạ tầng kỹ thuật/ giao thông/dân dụng cấp II trở lên (<i>Nhà thầu cung cấp tài liệu có xác nhận của Chủ đầu tư hoặc quyết định bổ nhiệm chức danh và vị trí công tác trong gói thầu để chứng minh kinh nghiệm tương tự của nhân sự</i>).	Tối thiểu 01 công trình	Không đáp ứng yêu cầu tại cột (3)

Ghi chú:

(1) Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(3) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định. Đối với nhà thầu là tư vấn lập hồ sơ mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm quy định.

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng

cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong HSYC ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

Trường hợp có quy định về số năm kinh nghiệm trong các công việc tương tự thì số năm kinh nghiệm này được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được đánh giá về tài chính.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định (nếu có);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

Bước 4. Xếp hạng nhà thầu: HSĐX có giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư]

(sau đây gọi là *Chủ đầu tư*)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]. Thời gian thực hiện gói thầu là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của HSYC].

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là ____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi ngày có thời điểm đóng thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).
2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu.
7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.
8. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*Ghi tên chủ đầu tư*] tổ chức:

- [- Ký đơn dự thầu;
- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;
- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;
- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được trúng thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho chủ đầu tư cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc: _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

- Căn cứ _____ [Luật Đấu thầu]⁽²⁾;- Căn cứ _____⁽²⁾;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày _____ tháng _____ năm _____ [Ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng

- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

Stt	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không được trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.
- (4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.
- (5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU

1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc loại hợp đồng theo đơn giá⁽¹⁾: Không áp dụng

Stt	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
1	<i>Dẫn chiếu đến yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương IV</i>		
2			

2. Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian⁽²⁾

Stt	Mô tả công việc
1	<i>Dẫn chiếu đến yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương IV</i>
2	

Ghi chú:

(1) Áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc loại hợp đồng theo đơn giá;

(2) Áp dụng cho phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian;

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc khác nhau thì có thể áp dụng đồng thời các bảng trên tương ứng cho từng hạng mục công việc.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____[Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp HSDX.

Thời gian	Tên công việc (mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính)	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng (trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện)	Vai trò trong công việc (ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh)	Thời gian thực hiện gói thầu (ghi rõ từ ngày... đến ngày...)	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế (từ ngày... đến ngày...) Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN NỘI DUNG
ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

*[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu
nhằm thực hiện hợp đồng]*

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

1.

2.

3.

4.

5.

GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận*
- 2. Kế hoạch công tác*
- 3. Tổ chức và nhân sự*

Giải pháp và phương pháp luận [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn:	[điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/dại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được] _____

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản: _____

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc): _____

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 10 phải kê khai Mẫu này.

- Nhà thầu gửi kèm hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng HSDX.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾							Tổng
		1	2	3	4	5		n	
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:								
	1) Thu thập dữ liệu								
	2) Soạn thảo báo cáo								
	3) Báo cáo sơ bộ								
	4) Tổng hợp ý kiến								
	5) ...								
	6) Báo cáo cuối cùng]								
2	[Hạng mục công việc 2]								
...									
n									

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Tên	Số định danh/CMTND /căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh bổ trí trong gói thầu	Cách thức huy động [Nhà thầu chọn một trong hai phương án]	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người/tháng hoặc người/ngày] ¹			Tổng số tháng công/ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	...	
I Nhân sự chủ chốt ²									
1			[theo vị trí nhà thầu đề xuất]	[Nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê)]	[Công ty] [Thực địa]				
2					[Công ty] [Thực địa]				
									
	Số công nhân sự chủ chốt								
II Nhân sự khác									
1			[Nhà thầu đi]	[Nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê)]	[Công ty] [Thực địa]				
2					[Công ty] [Thực địa]				
	Số công nhân sự khác								

Ghi chú:

1. Trường hợp HSYC có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này, nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định trong HSYC.
2. Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương II.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾

Stt	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có) ⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp HSYC có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đấu thầu.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu nhưng không được vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Mục 12.2 Chương I. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh được sử dụng nhà thầu phụ đối với phần công việc đảm nhận theo tỷ lệ % quy định tại Mục 12.2 Chương I.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản chụp được chứng thực các tài liệu này trong HSDX. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được nhà thầu phụ thì để trống cột này.

BẢNG THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (*)

Sтт	Họ và tên (1)	Chức danh bố trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/tháng- (ngày) người (4)	Số tháng (ngày) người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5)	Tổng (7)
I Nhân sự chủ chốt							
1			Công ty			(a)	(a)+(b)
			Thực địa			(b)	
2			Công ty				
			Thực địa				
II Nhân sự khác							
1			Công ty				
			Thực địa				
2			Công ty				
			Thực địa				
						Tổng cộng	A

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 2 Mẫu số 04 Chương này.
- (4): Nhà thầu điền theo Mẫu số 12A trong trường hợp HSYC không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia. Trường hợp HSYC yêu cầu phân tích thù lao chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành cả Mẫu số 12B Chương này.

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

Stt	Họ tên chuyên gia/ Chức danh	Địa điểm làm việc	Lương cơ bản	Chi phí xã hội ¹	Chi phí quản lý chung ²	Cộng	Lợi nhuận	Phụ cấp xa nhà	Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày)
	(1)	(2)	(3)	(4) = % của (3)	(5) = % của (3)	(6) = (3)+(4)+(5)	(7) = % của (6)	(8)	(9)=(6)+(7)+(8)
1	Nguyễn Văn A/ Trưởng nhóm	Công ty							
		Thực địa							
		Công ty							
...		Thực địa							

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này.

¹ Chi phí xã hội bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành.

² Chi phí quản lý chung là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

Stt	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3) = (1) x (2)
1	[Công tác phí]	[Ngày]			
2	[Chuyến bay]	[Chuyến]			
3	[Chi phí liên lạc]				
4	[Thiết bị, tài liệu...]				
5	[Chi phí đi lại trong nước]				
6	[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]				
7	[Đào tạo nhân sự của chủ đầu tư]				
Tổng chi phí					B

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				M1
1					
2					
...					
II	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá				M2
1					
2					
...					
Tổng cộng					M = M1 + M2

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(2), (3), (4): chủ đầu tư điền

(5), (6) Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

Thù lao cho chuyên gia	A
Chi phí khác cho chuyên gia	B
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	M
Tổng chi phí	A + B + M

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG IV. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu:

1.1. Thông tin khái quát chung về dự án.

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, tỉnh Thái Nguyên.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên.

- Nguồn vốn: Vốn vay, vốn tự có.

- Địa điểm: Khu vực lập quy hoạch chi tiết thuộc phạm vi ranh giới hành chính xã Tân Quang và xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (*Nay là phường Bá Xuyên và phường Bách Quang, tỉnh Thái Nguyên*).

Tổng thể khu vực xây dựng dự án nằm phía Bắc thành phố Sông Công với diện tích nghiên cứu khoảng 296,24 ha bao gồm 02 vị trí cụ thể như sau:

Vị trí khu số 01 quy hoạch đất khu công nghiệp, nằm trên địa giới hành chính của xã Tân Quang và một phần xã Bá Xuyên, TP. Sông Công:

- + Phía Bắc giáp thành phố Thái Nguyên;
- + Phía Nam giáp đường quy hoạch vành đai 5 vùng thủ đô;
- + Phía Đông giáp thành phố Thái Nguyên;
- + Phía Tây giáp đất nông nghiệp và khu dân cư hiện trạng.

Diện tích quy hoạch 175,52 ha

Vị trí khu số 02 quy hoạch đất khu công nghiệp, nằm trên địa giới hành chính của xã Bá Xuyên và một phần xã Tân Quang, TP. Sông Công:

- + Phía Bắc giáp đường quy hoạch vành đai 5 vùng thủ đô
- + Phía Nam giáp Cụm công nghiệp Bá Xuyên.
- + Phía Đông giáp KCN Sông Công II - Giai đoạn 1.
- + Phía Tây một phần giáp khu đất quy hoạch khu ở phục vụ tái định cư và khu ở phục vụ cán bộ công nhân viên của khu công nghiệp, một phần giáp đất nông nghiệp và khu dân cư nông thôn.

Diện tích quy hoạch 120,72 ha

- Loại, cấp công trình: Công trình Hạ tầng kỹ thuật, cấp II.

- Quy mô đầu tư:

+ Khu công nghiệp sông Công II, giai đoạn 2 nghiên cứu có diện tích là 296,24 ha, bao gồm 02 vị trí: Vị trí khu số 01 có diện tích quy hoạch 175,52 ha, vị trí khu số 02 có diện tích quy hoạch 120,72 ha.

+ Diện tích khu vực thực hiện thiết kế là 296,24ha.

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp sông Công II, giai đoạn 2 bao gồm các hạng mục: San nền, giao thông nội bộ KCN, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải; hệ thống cấp nước và PCCC (không bao gồm nhà máy cấp nước sạch); điện chiếu sáng; hệ thống hào cáp chờ thông tin liên lạc; bãi đỗ xe; mương tưới tiêu hoàn trả, đường giao thông hoàn trả và nhà điều hành;

+ Hệ thống cấp điện trung hạ thế, trạm biến áp, hệ thống cáp thông tin liên lạc của dự án do đơn vị kinh doanh thứ cấp đầu tư.

1.2. Thông tin khái quát về gói thầu

- Tên gói thầu: TV16 - Tư vấn Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khu số 1 của dự án (không bao gồm các công trình liên quan đến cấp điện, và bao gồm các hạng mục đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu số 1 và khu số 2.

- Nguồn vốn: Vốn vay, vốn tự có.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III-IV/2026.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: Theo tiến độ thi công (Dự kiến 15 tháng).

- Nội dung gói thầu: Tư vấn Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khu số 1 của dự án (không bao gồm các công trình liên quan đến cấp điện, và bao gồm các hạng mục đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu số 1 và khu số 2.

- Giá gói thầu: 3.120.697.630 VND (đã bao gồm thuế VAT 10%). Trường hợp có sự điều chỉnh mức thuế VAT thì việc thanh, quyết toán sẽ áp dụng theo quy định của nhà nước tại thời điểm thanh, quyết toán theo quy định.

1.3. Mục tiêu đầu tư:

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2 tại phường Bá Xuyên và phường Bách Quang, tỉnh Thái Nguyên theo định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Nguyên và Chính phủ thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu tư vấn

Nhằm lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm; có giải pháp và phương pháp thực hiện công tác tư vấn phù hợp và đáp ứng được các yêu cầu của gói thầu; có đội ngũ cán bộ chuyên môn đủ năng lực, phẩm chất để thực hiện tốt công tác Tư vấn giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị. Đồng thời có giá dự thầu hợp lý, đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư và các mục tiêu của dự án, đảm bảo theo hồ sơ thiết kế cơ sở được duyệt, tuân thủ theo các quy chuẩn quy phạm áp dụng, đáp ứng tốt nhất về mặt chất lượng, thẩm mỹ.

II. Phạm vi công việc:

1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu

- Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khu số 1 của dự án (không bao gồm các công trình liên quan đến cấp điện, và bao gồm các hạng mục đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu số 1 và khu số 2
- Tư vấn giám sát công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự trong và ngoài công trường.
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị đúng theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, chỉ dẫn kỹ thuật... kèm theo đã được chủ đầu tư phê duyệt và các phát sinh, điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Công việc của nhà thầu tư vấn giám sát theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực xây dựng cơ bản hiện hành.

2. Các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn

- Thực hiện chức năng của đơn vị Tư vấn giám sát theo Điều 20 Nghị định 207/2026/NĐ-CP về Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Điều 56 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, các quy định hiện hành có liên quan khác ...
- Thực hiện giám sát toàn bộ các hạng mục công trình kể từ khi khởi công đến khi hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng và quyết toán công trình
- Bố trí nhân sự đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Lập đề cương chi tiết thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình. Nội dung đề cương giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm: Sơ đồ tổ chức hệ thống giám sát thi công; văn phòng giám sát; nhiệm vụ, quyền hạn, nội dung công việc thực hiện của mỗi chức danh giám sát; hệ thống quản lý chất lượng và kế hoạch, quy trình kiểm soát chất lượng; quy trình kiểm tra, nghiệm thu, phương pháp quản lý các tài liệu, hồ sơ; nội dung cần thiết khác liên quan đến giám sát xây dựng công trình.
- Nội dung đề cương chi tiết phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ hợp đồng và phải được Chủ đầu tư chấp thuận trước khi tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình;
- Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình, cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện;
- Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ đề xuất và hợp đồng xây dựng, bao gồm: Nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;
- Kiểm tra, phê duyệt biện pháp thi công xây dựng, biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường và Phòng chống cháy nổ của nhà thầu đệ trình. Giám sát việc thực hiện biện pháp thi công, biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ của nhà thầu so với thiết kế biện pháp thi công, biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ đã được phê duyệt;
- Xem xét và chấp thuận các nội dung do nhà thầu trình (quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định 207/2026/NĐ-CP) và yêu cầu nhà thầu thi công chỉnh sửa các nội dung

này trong quá trình thi công xây dựng công trình cho phù hợp với thực tế và quy định của hợp đồng. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng với các nhà thầu về việc giao nhà thầu giám sát thi công xây dựng lập và yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng thực hiện đối với các nội dung nêu trên;

- Kiểm tra và chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình (thường gọi là Nghiệm thu vật liệu đầu vào);

- Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác triển khai công việc tại hiện trường theo yêu cầu của thiết kế xây dựng và tiến độ thi công của công trình;

- Đưa ra các cảnh báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi thấy tình hình triển khai của nhà thầu có nguy cơ không đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ yêu cầu của dự án, các nguy cơ có thể gây mất an ninh trật tự, an toàn lao động trên công trường;

- Giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình;

- Giám sát việc đảm bảo an toàn lao động theo quy định của quy chuẩn, quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật về an toàn lao động;

- Đề nghị Chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh thiết kế khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế;

- Tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định của Nghị định 207/2026/ NĐ-CP;

- Kiểm tra, đánh giá kết quả thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng trong quá trình thi công xây dựng và các tài liệu khác có liên quan phục vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công;

- Tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Điều 8 Nghị định 207/2026/NĐ-CP;

- Thực hiện nghiệm thu công việc xây dựng để chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định; kiểm tra và xác nhận khối lượng thi công xây dựng hoàn thành, khối lượng quyết toán công trình;

- Tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng;

- Thực hiện các nội dung khác theo quy định của Luật xây dựng số 135/2025/QH15, Nghị định, Thông tư liên quan.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV

- Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Ngay sau khi hợp đồng kinh tế có hiệu lực.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Ngay sau khi hợp đồng giữa hai bên có hiệu lực, Nhà thầu tư vấn có các yêu cầu đề xuất cần thiết với chủ đầu tư để có sự phối hợp cần thiết trong công việc.

- Việc báo cáo về công việc và trao đổi ý kiến phải được duy trì thường xuyên trong suốt quá trình làm việc.

- Tiến độ công tác báo cáo phải phù hợp với tiến độ thi công xây dựng công trình.
- Mỗi báo cáo yêu cầu tối thiểu 03 bản, trong trường hợp cần thiết phải đáp ứng các yêu cầu bổ sung số lượng của Chủ đầu tư.
- Thời gian nộp báo cáo chi tiết như sau.

Stt	Loại báo cáo	Thời gian nộp	Nội dung báo cáo
1	Báo cáo đầu kỳ	Sau 05 ngày kể từ khi tiếp nhận công việc	- Kết quả huy động chuyên gia - Kết quả chuẩn bị nhân lực, vật tư, vật liệu của nhà thầu thi công. - Phương án dự kiến triển khai giám sát
2	Báo cáo trong quá trình thực hiện	Chậm nhất sau 24 giờ kể từ khi phát sinh	Các phát sinh trong quá trình thực hiện
3	Báo cáo chi tiết từng nội dung	Trong vòng 05 ngày kể từ khi thực hiện nhiệm vụ	- Kế hoạch triển khai của nhà thầu thi công; - Tiến độ thi công của nhà thầu; - Khối lượng, chất lượng thi công; - Các nội dung phát sinh, sự cố xảy ra trong quá trình thi công; - Các vấn đề khác liên quan.
4	Báo cáo hoàn tất	Tối đa là 15 ngày sau hoàn thành công việc xây dựng, lắp đặt thiết bị	- Tóm tắt toàn bộ kết quả công việc đã đạt được. - Tổng hợp về khối lượng, chất lượng công việc đã thi công, - Các ý kiến góp ý của các chuyên gia bổ sung hoàn thiện thực hiện các nội dung tiếp theo. - Các vấn đề khác liên quan.

- Việc báo cáo về công việc và trao đổi ý kiến phải được duy trì thường xuyên trong suốt quá trình làm việc.

- Tiến độ công tác báo cáo phải phù hợp với tiến độ của gói thầu.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Đảm bảo đủ số lượng chất lượng cán bộ cần thiết thực hiện gói thầu. Trong trường hợp tiến độ yêu cầu cấp bách Chủ Đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu bổ sung thêm nhân sự để đảm bảo tiến độ thực hiện.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư sẽ cung cấp các văn bản, giấy tờ liên quan đến công trình để nhà thầu có thể triển khai công việc của mình.
- Chủ đầu tư sẽ cung cấp các công văn giới thiệu cần thiết để tư vấn liên hệ với các cơ quan giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện công trình (nếu có).
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Tư vấn giám sát thi công xây dựng và thiết bị thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Cử cán bộ có trình độ phù hợp, cung cấp thông tin và tài liệu liên quan cho Tư vấn giám sát thi công xây dựng và thiết bị thực hiện nhiệm vụ.
- Tạm ứng và thanh toán cho Tư vấn giám sát thi công xây dựng và thiết bị theo hợp đồng và đúng quy định.
- Thanh lý hợp đồng sau khi kết thúc công việc theo đúng quy định.
- Có trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

PHẦN 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG
CHƯƠNG V. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIGLACERA

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

HỢP ĐỒNG

Số:

Gói thầu : TV16 - Tư vấn Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khu số 1 của dự án (không bao gồm các công trình liên quan đến cấp điện, và bao gồm các hạng mục đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu số 1 và khu số 2

Dự án: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, tỉnh Thái Nguyên

Địa điểm: phường Bá Xuyên và phường Bách Quang, tỉnh Thái Nguyên

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA THÁI NGUYÊN

VÀ

CONG TY

Thái Nguyên, năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	3
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG	5
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG	7
Điều 1. Giải thích từ ngữ	7
Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	8
Điều 3. Sử dụng các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng và bản quyền	8
Điều 4. Trao đổi thông tin.....	9
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng	9
Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng.....	9
Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm.....	10
Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng	10
Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán.....	10
Điều 10. Nghiệm thu sản phẩm.....	11
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên nhận thầu.....	12
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên giao thầu	13
Điều 13. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng	14
Điều 14. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản	14
Điều 15. Nhà thầu phụ: Không áp dụng	16
Điều 16. Nhân lực của Bên nhận thầu	16
Điều 17. Sửa đổi hợp đồng	17
Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng	17
Điều 19. Quyết toán và thanh lý hợp đồng	19
Điều 20. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại.	19
Điều 21. Điều khoản chung.	20
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG	21
Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	21
Điều 4. Trao đổi thông tin.....	21
Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm	21
Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng	21
Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán.....	21
Điều 10. Nghiệm thu sản phẩm.....	22

Điều 13. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng	23
Điều 14. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản	23
Điều 15. Nhà thầu phụ: Không thực hiện	24
Điều 16. Nhân lực của Bên nhận thầu	24
Điều 17. Sửa đổi hợp đồng	24
Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng	25
Điều 20. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại	26
Điều 21. Điều khoản chung	26

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
Nghị định số 210/2026/NĐ-CP	Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 207/2026/NĐ-CP	Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
Nghị định số 217/2021/NĐ-CP	Nghị định số 217/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.
VNĐ	Việt Nam Đồng

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày tháng năm 2026 tại trụ sở Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên giao thầu (Gọi tắt là Bên A):

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên

Đại diện là: Ông Trần Anh Tuấn

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Nhà điều hành Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, Phường Bá Xuyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Tài khoản: 115609596688 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh KCN Tiên Sơn

Mã số thuế: 4601598818

Điện thoại: 0208 3935 999

Và bên kia là:

2. Bên nhận thầu (Gọi tắt là Bên B):

Tên giao dịch :

Đại diện là ông :

Địa chỉ :

Điện thoại :

Ngân hàng :

Mã số thuế :

Điện thoại :

Hai bên cùng thống nhất ký Hợp đồng tư vấn của Gói thầu: TV16 - Tư vấn Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khu số 1 của dự án (không bao gồm các công trình liên quan đến cấp điện, và bao gồm các hạng mục đầu nối hạ tầng kỹ thuật khu số 1 và khu số 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, tỉnh Thái Nguyên với nội dung như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG

Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Các luật của Quốc hội: Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và Luật số 90/2025/QH15, sửa đổi bổ sung một số điều của 8 Luật (trong đó bao gồm Luật Đấu thầu); Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Các Nghị định của Chính phủ: số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 210/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng; số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/06/2026 quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/06/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng;

Các Thông tư của Bộ xây dựng: số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026, hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026, hướng dẫn phương pháp xác định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026, Ban hành định mức xây dựng và các Thông tư, Quyết định, Văn bản hướng dẫn có liên quan;

Căn cứ Nghị định Số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026, Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật quản lý Thuế số 108/2025/QH15 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử;

Các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: số 2994/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 và số 1973/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2;

Các Quyết định của UBND thành phố Sông Công: số 1758/QĐ-UBND ngày 30/9/2024, phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2; số 2460/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 về việc đính chính Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 30/9/2024;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên được thông qua bởi các cổ đông sáng lập ngày 02/12/2022;

Các Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên: số 12/QĐ/HĐQT-TN ngày 26/02/2025, phê duyệt dự án đầu tư; số 15/QĐ/HĐQT-TN ngày 28/02/2025, phê duyệt điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư và hiệu quả kinh tế; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; số 48/QĐ/HĐQT-TN ngày 30/6/2025, phê duyệt điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu; số

38/QĐ/HĐQT-TN ngày 03/9/2026, phê duyệt điều chỉnh Dự án; số 45/QĐ/HĐQT-TN ngày 30/9/2026, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu xây lắp khu số 1 (đợt 1), điều chỉnh KHLCNT các gói thầu TV16, TV31 thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, tỉnh Thái Nguyên; số 25/QĐ/HĐQT-TN ngày 16/6/2026, ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu; số 26/QĐ/HĐQT-TN ngày 16/6/2026, ban hành Quy chế quản lý hoạt động đầu tư của Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên;

.....

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. Bên giao thầu là Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên.
- 1.2. Bên nhận thầu là:
- 1.3. Bên là Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
- 1.4. Dự án là dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, tỉnh Thái Nguyên.
- 1.5. Đại diện Bên giao thầu là người đại diện hợp pháp theo quy định pháp luật hoặc cá nhân, pháp nhân khác được ủy quyền giao kết hợp đồng theo quy định pháp luật.
- 1.6. Đại diện Bên nhận thầu là người đại diện hợp pháp theo quy định pháp luật hoặc cá nhân, pháp nhân khác được ủy quyền giao kết hợp đồng theo quy định pháp luật.
- 1.7. Đơn dự thầu (nếu có) là đề xuất của Bên nhận thầu có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của HSMT hoặc HSYC.
- 1.8. Gói thầu là Gói thầu: TV16 - Tư vấn Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khu số 1 của dự án (không bao gồm các công trình liên quan đến cấp điện, và bao gồm các hạng mục đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu số 1 và khu số 2
- 1.9. Giá hợp đồng là giá trị ghi trong hợp đồng giữa Bên giao thầu và Bên nhận thầu. Giá hợp đồng theo quy định tại Điều [Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán].
- 1.10. Hoàn thành là việc Bên nhận thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;
- 1.11. Hợp đồng là thỏa thuận giữa Bên giao thầu và Bên nhận thầu, thể hiện bằng văn bản, được giao kết giữa hai bên, bao gồm cả phụ lục và các tài liệu hợp đồng kèm theo;
- 1.12. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.13. Mã định danh Dự án/Công trình được khởi tạo, cập nhật, quản lý theo quy định tại Nghị định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.
- 1.14. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
- 1.15. Ngày làm việc là các ngày theo dương lịch, trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
- 1.16. Nhà thầu phụ là nhà thầu theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.
- 1.17. Tài liệu hợp đồng là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng theo quy định tại Điều [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].
- 1.18. Thời điểm hợp đồng có hiệu lực là thời điểm được quy định tại [ĐKCT];
- 1.19. Thời gian thực hiện các công việc của hợp đồng xây dựng là khoảng thời gian được tính từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực hoặc thời điểm bắt đầu thực hiện công việc theo thỏa thuận của các bên đến khi toàn bộ công việc của hợp đồng hoàn thành và được nghiệm thu theo thỏa thuận của hợp đồng (bao gồm cả thời gian được gia hạn theo quy định của hợp đồng); không bao gồm thời gian bảo hành, thời gian giám sát tác giả và thủ tục thanh lý hợp đồng (nếu có).

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau:

2.1.1. Hợp đồng;

2.1.2. Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;

2.1.3. Đơn dự thầu;

2.1.4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng xây dựng, điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng;

2.1.5. Điều kiện chung của hợp đồng xây dựng;

2.1.6. Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng xây dựng;

2.1.7. Các phụ lục của hợp đồng xây dựng;

2.1.8. Các tài liệu khác có liên quan.

2.2. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu của Hồ sơ hợp đồng được quy định tại [ĐKCT].

Điều 3. Sử dụng các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng và bản quyền

3.1. Sử dụng các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng

3.1.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của Bên nhận thầu trong khuôn khổ hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Bên giao thầu trừ khi các bên có thỏa thuận khác trong hợp đồng. Bên nhận thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên giao thầu.

3.1.2. Bên giao thầu và Bên nhận thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Bên nhận thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Bên giao thầu cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Bên nhận thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.

3.1.3. Bên giao thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên nhận thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Bên nhận thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên giao thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

3.1.4. Nghĩa vụ của Bên giao thầu và Bên nhận thầu thực hiện theo quy định tại Điều [Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên nhận thầu] và Điều [Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên giao thầu] không áp dụng đối với các thông tin sau đây:

- a) Thông tin mà Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;
- b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu;
- c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;
- d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.

3.2. Bản quyền

3.2.1. Tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Bên nhận thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho Bên giao thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của Bên giao thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Bên nhận thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho Bên giao thầu kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Bên nhận thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên giao thầu.

3.2.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Bên nhận thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, Bên nhận thầu phải được Bên giao thầu chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. Bên giao thầu có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.

3.2.3. Bên nhận thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà Bên nhận thầu cung cấp cho Bên giao thầu không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.

3.2.4. Bên nhận thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà Bên nhận thầu cung cấp cho Bên giao thầu.

Điều 4. Trao đổi thông tin

4.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện; fax hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp trao đổi thông tin bằng hình thức trao đổi dữ liệu điện tử thì thực hiện theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử.

4.2. Trường hợp một trong các bên có sự thay đổi thông tin giao dịch thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời hạn được quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày phát sinh thay đổi. Đối với các thông tin làm thay đổi tư cách pháp lý hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng, các bên thực hiện ký kết phụ lục hợp đồng để cùng thực hiện. Trường hợp không thông báo kịp thời thì bên có thay đổi phải chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh do việc không thông báo kịp thời.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

5.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

5.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là Tiếng Việt.

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

6.1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu tư vấn giám sát được thể hiện cụ thể trong Phụ lục số I [Nội dung, Khối lượng và giá trị hợp đồng của Bên giao thầu] và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

6.1.1. Nội dung công việc của Hợp đồng tư vấn giám sát công tác khảo sát xây dựng bao gồm giám sát chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình khảo sát xây dựng.

6.1.2. Nội dung giám sát được thực hiện theo Nghị định 207/2026/NĐ-CP.

6.2. Sản phẩm hợp đồng xây dựng

6.2.1. Báo cáo định kỳ theo quy định tại Phụ lục IVA Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Chủ đầu tư quy định việc lập báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn khảo sát và thời điểm lập báo cáo.

6.2.2. Báo cáo hoàn thành công tác giám sát theo quy định tại Phụ lục IVB Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

6.2.3. Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

7.1. Yêu cầu về chất lượng

Chất lượng sản phẩm phải phù hợp với nội dung hợp đồng đã giao kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện, tuân thủ đúng và đầy đủ nội dung theo các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn về xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng phải được Bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

7.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng quy định tại [ĐKCT].

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

8.1. Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại [ĐKCT]

8.2. Tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo tiến độ triển khai thi công xây dựng.

8.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp Bên nhận thầu hoặc Bên giao thầu gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ tiến độ thực hiện hợp đồng thì Bên gặp khó khăn phải thông báo cho Bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Bên nhận được thông báo kéo dài thời gian sẽ nghiên cứu, xem xét và quyết định. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo, điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng và giao kết văn bản sửa đổi Hợp đồng để làm căn cứ thực hiện.

8.4. Trường hợp chậm trễ do lỗi của Bên nhận thầu dẫn đến phải gia hạn thời gian thực hiện các công việc Hợp đồng, thì Bên nhận thầu không được làm tăng Giá hợp đồng.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán

9.1. Giá hợp đồng

9.1.1. Hình thức giá hợp đồng: Trọn gói.

9.1.2. Giá hợp đồng quy định tại [ĐKCT].

9.1.3. Nội dung giá hợp đồng:

a) Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ.

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc thực hiện, hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Toàn bộ các chi phí khác có liên quan để thực hiện công việc tại Hợp đồng này.

b) Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Bên giao thầu; chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng; chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

9.2. Tạm ứng và thanh toán.

9.2.1. Tạm ứng:

a) Mức tạm ứng, số lần tạm ứng quy định tại [ĐKCT]

b) Cách thức hoàn trả tiền tạm ứng quy định tại [ĐKCT]

c) Trong thời hạn quy định tại [ĐKCT] Bên giao thầu tạm ứng cho Bên nhận thầu với số tiền quy định tại [ĐKCT]

9.2.2. Thanh toán

a) Tiến độ thanh toán

(i) Số lần thanh toán quy định tại [ĐKCT].

(ii) Giá trị mà Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu theo các lần thanh toán cụ thể quy định tại [ĐKCT].

(iii) Trong thời gian quy định tại [ĐKCT], kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên nhận thầu, Bên giao thầu phải thanh toán cho Bên nhận thầu.

b) Hồ sơ thanh toán

Khi đến thời hạn của mỗi lần thanh toán hoặc tạm thanh toán, Bên nhận thầu sẽ nộp cho Bên giao thầu các bộ hồ sơ thanh toán với số lượng và thành phần quy định tại [ĐKCT]

c) Hình thức thanh toán quy định tại [ĐKCT]

d) Bên giao thầu không chịu trách nhiệm về việc hồ sơ thanh toán không đầy đủ, chính xác, hợp lệ làm ảnh hưởng tới tiến độ và thời hạn thanh toán. Bên giao thầu có quyền khấu trừ các khoản vi phạm, bồi thường thiệt hại trước khi thanh toán cho bên nhận thầu.

e) Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Nghiệm thu sản phẩm

10.1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm

10.1.1. Hồ sơ hợp đồng đã giao kết giữa các bên, các phụ lục hợp đồng và văn bản sửa đổi hợp đồng (nếu có).

10.1.2. Hồ sơ, báo cáo kết quả Tư vấn giám sát được Chủ đầu tư phê duyệt.

10.1.3. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật sử dụng.

10.1.4. Các văn bản yêu cầu chỉnh sửa, rà soát hồ sơ của Bên giao thầu (nếu có).

10.1.5. Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

10.2. Nghiệm thu sản phẩm

10.2.1. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành theo các giai đoạn/đợt tương ứng với tiến độ và nội dung thực hiện quy định chi tiết tại [ĐKCT]

10.2.2. Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm sửa đổi, hoàn thiện các nội dung chưa đạt yêu cầu hoặc các sai sót trong hồ sơ sản phẩm theo đúng văn bản yêu cầu của Bên giao thầu, ý

kiến của cơ quan có liên quan trong phạm vi nội dung hợp đồng đã giao kết mà không được tính thêm chi phí.

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên nhận thầu

11.1. Quyền của Bên nhận thầu

11.1.1. Yêu cầu bên giao thầu cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

11.1.2. Được đề xuất với bên giao thầu về khối lượng công việc phát sinh hợp lý; thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của bên nhận thầu hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng phẩm tư vấn; thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng.

11.1.3. Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của bên giao thầu; nhà thầu phụ do bên giao thầu chỉ định nếu trong hợp đồng không thỏa thuận hoặc không đáp ứng được các yêu cầu theo hợp đồng.

11.1.4. Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán đúng hạn; thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng và thỏa thuận trong hợp đồng.

11.1.5. Yêu cầu bên giao thầu nghiệm thu, nhận bàn giao sản phẩm của hợp đồng xây dựng.

11.1.6. Quyền khác theo quy định của hợp đồng xây dựng và pháp luật có liên quan.

11.2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên nhận thầu

11.2.1. Giám sát, thu thập các thông tin, dữ liệu, tài liệu cần thiết để thực hiện công việc của hợp đồng.

11.2.2. Thực hiện công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.

11.2.3. Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu, trình bày và bảo vệ sản phẩm tư vấn trong các cuộc họp, báo cáo,... đến khi sản phẩm được phê duyệt.

11.2.4. Chịu trách nhiệm về kết quả, chất lượng sản phẩm tư vấn theo hợp đồng đã ký và quy định của pháp luật.

11.2.5. Nộp cho Bên giao thầu các báo cáo, tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng; thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

11.2.6. Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo thỏa thuận trong hợp đồng.

11.2.7. Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên giao thầu cho tới ngày bàn giao công trình.

11.2.8. Giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng mà trong hợp đồng hoặc pháp luật có quy định;

11.2.9. Bảo quản và giao lại cho Bên giao thầu những tài liệu và phương tiện làm việc do Bên giao thầu cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

11.2.10. Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Bên giao thầu, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

11.2.11. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng đã giao kết.

11.2.12. Bên nhận thầu có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ hợp đồng.

11.2.13. Trường hợp các cơ quan, đơn vị: Thanh tra, kiểm toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán kết luận, kiến nghị giảm trừ giá trị công tác: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, Bên nhận thầu có nghĩa vụ chấp thuận giảm trừ giá trị thanh toán, quyết toán của hợp đồng tương ứng với giá trị kết luận của các cơ quan, đơn vị nêu trên.

11.2.14. Đảm bảo Bên nhận thầu và nhân sự trực tiếp thực hiện các công việc của Bên nhận thầu đáp ứng điều kiện về năng lực hoạt động xây dựng theo quy định pháp luật để thực hiện các Công việc tại Hợp đồng này.

11.2.15. Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của Hợp đồng: Bên Nhận thầu phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, Giá trị Hợp đồng hoặc trách nhiệm của Bên Nhận thầu theo Hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Bên Nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong Hợp đồng. Trường hợp Bên Nhận thầu thu thập thông tin không đầy đủ, không chính xác hoặc có sai sót khác dẫn đến việc không hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản của Hợp đồng thì Bên Nhận thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

11.2.16. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của hợp đồng và pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên giao thầu

12.1. Quyền của Bên giao thầu

12.1.1. Yêu cầu Bên nhận thầu bàn giao các hồ sơ, tài liệu liên quan đến sản phẩm của hợp đồng theo nội dung hợp đồng đã giao kết; được yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng và thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu về năng lực theo quy định.

12.1.2. Kiểm tra chất lượng, tiến độ thực hiện công việc thuộc phạm vi hợp đồng nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Bên nhận thầu.

12.1.3. Từ chối các đề xuất, kiến nghị không hợp lý hoặc không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng của bên nhận thầu trong thời hạn theo thỏa thuận hợp đồng và quy định của pháp luật; từ chối nghiệm thu, nhận bàn giao sản phẩm không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng.

12.1.4. Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm theo thỏa thuận hợp đồng.

12.1.5. Được chỉ định thầu phụ khi Bên nhận thầu chính không đáp ứng được yêu cầu theo hợp đồng đã giao kết; được quyền từ chối nhà thầu phụ do bên nhận thầu đề xuất.

12.1.6. Yêu cầu Bên nhận thầu thay đổi nhân sự không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

12.1.7. Các quyền khác theo quy định của hợp đồng và pháp luật khác có liên quan.

12.2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên giao thầu

12.2.1. Cung cấp kịp thời hồ sơ và các tài liệu có liên quan theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có) và quy định của pháp luật có liên quan;

12.2.2. Giải quyết kiến nghị của bên nhận thầu theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

12.2.3. Thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng; khoản tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng và thỏa thuận trong hợp đồng.

12.2.4. Tổ chức nghiệm thu, nhận, bàn giao sản phẩm của hợp đồng.

12.2.5. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Bên nhận thầu nếu Bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

12.2.6. Xem xét, chấp thuận hoặc từ chối đề xuất của Bên nhận thầu về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng.

12.2.17. Thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

12.2.18. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của hợp đồng và pháp luật có liên quan.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng

13.1. Giải quyết tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng

13.1.1. Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng quy định tại [ĐKCT]

13.1.2. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, các bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của hợp đồng đối với các công việc không bị ảnh hưởng bởi nội dung tranh chấp; không được làm gián đoạn việc thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc các trường hợp được tạm dừng thực hiện hợp đồng tại Điều [Tạm dừng hợp đồng].

13.2. Khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng

13.2.1. Khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng được hiểu là khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện đúng nội dung hợp đồng đã giao kết. Khi đó, bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này.

13.2.2. Khi một bên khiếu nại, bên kia thì phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ những nội dung khiếu nại.

13.2.3. Các khiếu nại của mỗi bên phải được gửi đến đúng địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ trao đổi thông tin mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

13.2.4. Thời gian trả lời khiếu nại, văn bản trả lời khiếu nại, trường hợp không chấp thuận trả lời khiếu nại quy định tại [ĐKCT]

Điều 14. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

14.1. Rủi ro là khả năng xảy ra các sự kiện hoặc tình huống trong quá trình thực hiện hợp đồng, có thể gây thiệt hại, phát sinh chi phí, kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

Đối với các rủi ro có thể lường trước tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên thỏa thuận cụ thể trách nhiệm về quản lý và xử lý, khắc phục rủi ro của mỗi bên. Các trường hợp rủi ro có thể lường trước quy định tại [ĐKCT].

14.2. Sự kiện bất khả kháng là các rủi ro không thể lường trước tại thời điểm giao kết hợp đồng, không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

14.2.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

14.2.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

14.2.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Bên nhận thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

14.2.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

14.2.5. Trong thời gian không thực hiện được dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Bên giao thầu, Bên nhận thầu có nghĩa vụ:

a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Bên nhận thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Bên giao thầu yêu cầu phục hồi lại dịch vụ thì Bên nhận thầu còn được hoàn trả chi phí này;

b) Tiếp tục thực hiện dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Bên nhận thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng].

14.2.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có).

Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia. Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho Bên nhận thầu các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được Bên nhận thầu hoàn thành và được Bên giao thầu nghiệm thu theo giá đã được nêu trong

hợp đồng.

14.2.7. Các trường hợp bất khả kháng quy định tại [ĐKCT]

14.3. Hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong hoạt động xây dựng

14.3.1. Hoàn cảnh thay đổi cơ bản là sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng lớn đến mức các bên biết trước thì đã không được giao kết và hoặc được giao kết với nội dung hoàn toàn khác; việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên; Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích; có thể gồm các trường hợp: Nhà nước thay đổi chính sách, pháp luật; các điều kiện bất thường về địa chất không lường trước được và các trường hợp khác đáp ứng được các điều kiện nêu tại điểm này.

Các sự kiện được coi là hoàn cảnh thay đổi quy định tại [ĐKCT]

14.3.2. Thông báo về hoàn cảnh thay đổi cơ bản

a) Nếu một Bên rơi vào trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì phải thông báo cho Bên kia nêu rõ các công việc bị ảnh hưởng, mức độ bị ảnh hưởng, các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng và kiến nghị, đề xuất sửa đổi hợp đồng. Bên nhận được thông báo phải trả lời đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ý kiến khác trong khoảng thời gian được quy định tại [ĐKCT].

b) Trường hợp Bên nhận được đề nghị sửa đổi Hợp đồng không đồng ý hoặc các Bên không đạt được thỏa thuận, thì Bên bị ảnh hưởng có thể đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của Pháp luật.

Điều 15. Nhà thầu phụ: Không áp dụng

Điều 16. Nhân lực của Bên nhận thầu

16.1. Nhân lực của Bên nhận thầu và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực theo quy định, cụ thể tại Phụ lục số 02 [Nhân lực của Bên nhận thầu].

16.2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số 02 [Nhân lực của Bên nhận thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Bên nhận thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên giao thầu, người thay thế phải đáp ứng các yêu cầu về điều kiện. Nếu Bên giao thầu không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên nhận thầu thì nhân sự đó coi như được Bên giao thầu chấp thuận.

16.3. Bên giao thầu có quyền yêu cầu Bên nhận thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên giao thầu hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên nhận thầu phải gửi văn bản thông báo cho Bên giao thầu trong vòng quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên giao thầu về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên nhận thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

16.4. Bên nhận thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên giao thầu chấp thuận.

16.5. Bên nhận thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên nhận thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 17. Sửa đổi hợp đồng

17.1. Nội dung, phạm vi và các trường hợp được sửa đổi hợp đồng; quy trình, thủ tục sửa đổi hợp đồng quy định tại [ĐKCT]

17.2. Điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng, chi tiết quy định tại [ĐKCT]

17.3. Điều chỉnh tiến độ, thời gian thực hiện hợp đồng

17.3.1. Các trường hợp được điều chỉnh thời gian, tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng và trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm thời gian, tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng, chi tiết quy định tại [ĐKCT]

17.3.2. Trường hợp điều chỉnh thời gian hoặc tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng, chi tiết quy định tại [ĐKCT] đồng thời dẫn đến vượt thời gian thực hiện dự án thì Bên giao thầu phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện dự án trước khi điều chỉnh thời gian, tiến độ thực hiện hợp đồng.

17.4. Điều chỉnh giá hợp đồng trọn gói: chi tiết quy định tại [ĐKCT]

Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng

18.1. Tạm dừng hợp đồng

18.1.1. Việc tạm dừng thực hiện hợp đồng được áp dụng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Một bên vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ hợp đồng đã cam kết;
- b) Do sự kiện bất khả kháng theo quy định tại Điều [Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản];
- c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- d) Thay đổi pháp luật ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng
- đ) Một bên được tạm dừng thực hiện hợp đồng quy định tại [ĐKCT]

18.1.2. Bên tạm dừng hợp đồng phải thông báo trước cho bên kia bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, thời điểm và hậu quả pháp lý kèm theo. Thời gian thông báo phải được thỏa thuận trong hợp đồng, tối đa không quá 28 ngày, trừ trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng. Các bên có trách nhiệm cùng thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng đã giao kết. Bên không thực hiện nghĩa vụ thông báo mà gây thiệt hại cho bên còn lại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường theo thỏa thuận quy định tại [ĐKCT]

18.2. Chấm dứt hợp đồng

18.2.1. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên giao thầu

Bên giao thầu có thể chấm dứt hợp đồng sau quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Bên nhận thầu. Bên giao thầu sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

- a) Bên nhận thầu không tuân thủ về bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu các bên có thỏa thuận).
- b) Bên nhận thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên nhận thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng quy định tại [ĐKCT] mà Bên giao thầu có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên giao thầu về sai sót đó.
- c) Bên nhận thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng], hoặc quy định tại [ĐKCT] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.
- d) Bên nhận thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.
- đ) Bên nhận thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng].
- g) Bên nhận thầu cố ý trình Bên giao thầu các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên giao thầu.
- h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều [Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản].

Trong trường hợp Bên giao thầu chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng, Bên giao thầu có thể ký hợp đồng với các Bên nhận thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên nhận thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên giao thầu những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên nhận thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt, Bên giao thầu và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có..

18.2.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên nhận thầu

Bên nhận thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên giao thầu tối thiểu là quy định tại [ĐKCT] trong các trường hợp sau đây:

- a) Công việc bị ngừng do lỗi của Bên giao thầu trong khoảng thời gian quy định tại [ĐKCT].
- b) Bên giao thầu không thanh toán cho Bên nhận thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng] sau khoảng thời gian quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.
- c) Bên giao thầu không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng].
- d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên nhận thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian quy định tại [ĐKCT].
- đ) Bên giao thầu bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với

chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

18.2.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

18.2.4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên nhận thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

18.2.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều [Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, các chi phí khác,...). Bên nhận thầu phải hoàn trả lại tiền tạm ứng cho Bên giao thầu sau khi trừ đi giá trị các công việc đã thực hiện và được nghiệm thu (nếu giá trị tạm ứng lớn hơn) trong vòng 15 ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng.

Điều 19. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

19.1. Quyết toán hợp đồng

19.1.1. Bên nhận thầu có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán hợp đồng theo loại hợp đồng các bên đã giao kết.

19.1.2. Hồ sơ quyết toán hợp đồng bao gồm:

a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng và công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng;

b) Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã giao kết, giá trị đã thanh toán hoặc tạm thanh toán và giá trị còn lại mà bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho Bên nhận thầu;

c) Sản phẩm của hợp đồng theo quy định tại Điều [Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng];

d) Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng.

19.2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng].

Điều 20. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại.

20.1. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với bên nhận thầu

Nếu Bên nhận thầu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng quy định tại [ĐKCT] thì phạt quy định tại [ĐKCT] nhưng tổng số tiền phạt không quá quy định tại [ĐKCT].

Đối với Bên giao thầu: Nếu thanh toán chậm cho Bên nhận thầu theo quy định tại Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán] thì phải bồi thường cho Bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Bên nhận thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho Bên nhận thầu.

20.2. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: quy định tại [ĐKCT].
- Trường hợp Bên nhận thầu vi phạm thì vừa áp dụng phạt vi phạm, vừa áp dụng bồi thường thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này

Điều 21. Điều khoản chung.

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm quy định tại [ĐKCT] .

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Bên giao thầu sẽ giữ, số bản Bên nhận thầu sẽ giữ quy định tại [ĐKCT].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.2. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu của Hồ sơ hợp đồng là:

- a. Quyết định phê duyệt KQLCNT thầu;
- b. Điều kiện cụ thể của hợp đồng xây dựng, điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng;
- c. Điều kiện chung của hợp đồng xây dựng;
- d. Các phụ lục của hợp đồng xây dựng;
- e. Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 4. Trao đổi thông tin

4.2. Trong khoảng thời gian là 05 ngày.

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

6.2. Sản phẩm của hợp đồng gồm:

Sản phẩm của hợp đồng gồm: biên bản kiểm tra, biên bản nghiệm thu công tác các hạng mục của gói thầu; văn bản kiến nghị xử lý (nếu có); hồ sơ hoàn thành công tác giám sát và hồ sơ điện tử tương ứng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

7.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm của hợp đồng là:

- Bản in giấy:
 - + Đề cương tư vấn giám sát: 02 bộ
 - + Báo cáo hoàn thành công tác Tư vấn giám sát: 06 bộ
- Bản mềm:
 - + 01 USB chứa file báo cáo định dạng Word (.doc/.docx) và PDF.
 - + File bản vẽ AutoCAD (.dwg).
 - + File tổng hợp số liệu Excel (.xlsx).
 - + Các file dữ liệu gốc khác.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

8.1. Thời gian thực hiện các công việc của hợp đồng là: Theo tiến độ thi công xây dựng (dự kiến 15 tháng).

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán

9.1.2. Giá hợp đồng được xác định với số tiền (đã bao gồm thuế GTGT) là: đồng, (Bằng chữ:) Trường hợp nhà nước có thay đổi chính sách về thuế GTGT, thì giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

9.2.1. Tạm ứng: Sau khi Hợp đồng được ký kết, Bên B gửi công văn đề nghị tạm ứng cho Bên A, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B đến 30% giá trị Hợp đồng; Sau khi nhận được tiền tạm ứng Bên nhận thầu có trách nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định hiện hành; giá trị tạm ứng tương ứng từng phần công việc sẽ được thu hồi qua các lần

thanh toán, tỷ lệ thu hồi đạt 100% khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị từng phần công việc.

9.2.2. Thanh toán

a) Tiến độ thanh toán:

- Bên A thanh toán giá trị hợp đồng cho bên B theo đợt, cụ thể như sau:
 - + Thanh toán giai đoạn: Trên cơ sở hồ sơ thanh toán của Nhà thầu thi công xây lắp được Bên A xác nhận theo từng giai đoạn, Bên B lập hồ sơ giá trị khối lượng hoàn thành tương ứng tỷ lệ % giá trị hoàn thành theo từng giai đoạn của Nhà thầu thi công xây lắp trên giá trị Hợp đồng thi công xây lắp của gói thầu: “.....” nhân tổng giá trị Hợp đồng tư vấn giám sát trình Bên A xác nhận.
 - + Bên A thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị khối lượng tư vấn giám sát hoàn thành (Có thu hồi giá trị tiền đã tạm ứng theo quy định).

b) Quyết toán, thanh lý hợp đồng: Sau khi toàn bộ các hạng mục công trình thuộc phạm vi hợp đồng TVGS được bàn giao đưa vào sử dụng và hồ sơ quyết toán của Bên B được phê duyệt; các bên tiến hành thanh lý hợp đồng, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến **100% giá trị thanh lý hợp đồng**.

b) Hồ sơ thanh toán

Bên nhận thầu sẽ nộp cho Bên giao thầu các bộ hồ sơ thanh toán với số lượng 06 bộ và thành phần gồm:

- Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành.
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng).
- Hóa đơn giá trị gia tăng sau khi có biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.
- Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.
- Biên bản đối chiếu công nợ đến thời điểm Nhà thầu có đề nghị thanh toán (Sau khi Nhà thầu xuất hoá đơn giá trị gia tăng).

(Mẫu hồ sơ nghiệm thu thanh toán tham khảo Phụ lục III)

c) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Điều 10. Nghiệm thu sản phẩm

- Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành theo các đợt thanh toán tương ứng với từng phần công việc theo **Phụ lục I (Nội dung, khối lượng và giá trị hợp đồng)**, cụ thể:
 - Các lần nghiệm thu: Sau khi nhà thầu xây lắp hoàn thành công tác thi công xây dựng trên công trường được tư vấn giám sát xác nhận khối lượng hoàn thành công tác xây dựng công trình;
 - Lần cuối: Sau khi toàn bộ các công việc theo **Phụ lục I (Nội dung, khối lượng**

và giá trị hợp đồng) được hoàn thành đưa vào sử dụng, bên B ký xác nhận hồ sơ nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng

13.1.1. Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là 15 ngày.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề đến Tòa án Nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Thái Nguyên để giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

13.2. Khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng.

13.2.4. Thời gian trả lời khiếu nại, văn bản trả lời khiếu nại, trường hợp không chấp thuận trả lời khiếu nại là 05 ngày.

Điều 14. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

14.1. Rủi ro là khả năng xảy ra các sự kiện hoặc tình huống trong quá trình thực hiện hợp đồng, có thể gây thiệt hại, phát sinh chi phí, kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

a) Đối với các rủi ro có thể lường trước tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên thỏa thuận cụ thể trách nhiệm về quản lý và xử lý, khắc phục rủi ro của mỗi bên. Các trường hợp rủi ro có thể lường trước gồm rủi ro về biến động giá, điều kiện thực hiện, huy động máy móc, thiết bị, rủi ro về khối lượng và các rủi ro khác.

14.2.7. Các trường hợp bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng trong hoạt động xây dựng bao gồm:

- Thiên tai, thảm họa môi trường;
- Hỏa hoạn, dịch bệnh;
- Tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và tình trạng khẩn cấp về quốc phòng;
- Đỉnh công, bãi công, cấm vận, bao vây;
- Hoạt động về phát hiện cổ vật, khảo cổ;
- Các trường hợp khác theo quy định của luật có liên quan.

14.3. Hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong hoạt động xây dựng

14.3.1. Các sự kiện được coi là hoàn cảnh thay đổi bao gồm các trường hợp:

- Nhà nước thay đổi chính sách, pháp luật;
- Các điều kiện bất thường về địa chất không lường trước được;
- Các trường hợp khác theo quy định của luật có liên quan.

14.3.2. Thông báo về hoàn cảnh thay đổi cơ bản

a) Nếu một Bên rơi vào trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì phải thông báo

bằng văn bản trong thời gian sớm nhất có thể cho Bên kia nêu rõ các công việc bị ảnh hưởng, mức độ bị ảnh hưởng và đề xuất giải pháp khắc phục hoặc sửa đổi hợp đồng. Bên nhận được thông báo phải trả lời (Ghi cụ thể đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ý kiến khác trong thời hạn là 05 ngày).

Điều 15. Nhà thầu phụ: Không thực hiện

Điều 16. Nhân lực của Bên nhận thầu

16.3. Bên nhận thầu phải gửi văn bản thông báo cho Bên giao thầu trong vòng là 03 ngày Trường hợp Bên nhận thầu huy động và bố trí nhân sự không có đủ năng lực thực hiện công việc, trong vòng 03 ngày kể từ khi có Văn bản yêu cầu thực hiện công việc của Bên giao thầu, Bên nhận thầu có trách nhiệm huy động và bố trí nhân sự theo đúng hồ sơ dự thầu để triển khai thực hiện công việc. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà Bên nhận thầu vẫn không bố trí hoặc bố trí không đầy đủ nhân sự để triển khai công việc thì thời gian quá hạn sẽ được xác định là thời gian chậm tiến độ thực hiện hợp đồng để thực hiện xác định tiền phạt hợp đồng.

Điều 17. Sửa đổi hợp đồng

17.1. Nội dung, phạm vi và các trường hợp được sửa đổi hợp đồng; quy trình, thủ tục sửa đổi hợp đồng

Các bên có thể thỏa thuận sửa đổi hợp đồng xây dựng trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà nước thay đổi chính sách, pháp luật làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng;

b) Thay đổi, điều chỉnh yêu cầu về nội dung, phạm vi công việc, kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, tiến độ thực hiện, điều kiện tạm ứng, thanh toán đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng;

c) Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng theo quy định tại khoản 14.1 Điều 14 Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản;

d) Trường hợp hoàn cảnh thực hiện hợp đồng xây dựng thay đổi cơ bản theo quy định tại khoản 14.3 Điều 14 Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản;

đ) Trường hợp khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Sửa đổi hợp đồng xây dựng bao gồm điều chỉnh về khối lượng, tiến độ, thời gian thực hiện, giá hợp đồng và các nội dung khác của hợp đồng. Sửa đổi hợp đồng xây dựng được áp dụng trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng xây dựng và phải được thực hiện bằng văn bản.

17.2. Điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng cụ thể như sau:

- Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

- Thực hiện điều chỉnh thuế khi Quy định của nhà nước thay đổi về chính sách thuế.

17.3. Điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

- Bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của Bên giao thầu và Bên nhận thầu;
- Thay đổi phạm vi công việc do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì Bên giao thầu và Bên nhận thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì Bên giao thầu và Bên nhận thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.

Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng

18.1.1. Việc tạm dừng thực hiện hợp đồng được áp dụng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

đ) Một bên được tạm dừng thực hiện hợp đồng trong trường hợp

18.1.2. Bên tạm dừng hợp đồng phải thông báo trước cho bên kia bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, thời điểm và hậu quả pháp lý kèm theo. Thời gian thông báo phải được thỏa thuận trong hợp đồng, tối đa không quá 28 ngày, trừ trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng. Các bên có trách nhiệm cùng thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng đã giao kết. Bên không thực hiện nghĩa vụ thông báo mà gây thiệt hại cho bên còn lại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

18.2.1. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên giao thầu

Bên giao thầu có thể chấm dứt hợp đồng sau 07 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Bên nhận thầu. Bên giao thầu sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

b) Bên nhận thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên nhận thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày mà Bên giao thầu có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên giao thầu về sai sót đó.

c) Bên nhận thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng], hoặc 07 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

18.2.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên nhận thầu

Bên nhận thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên giao thầu tối thiểu là 07 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Bên giao thầu trong khoảng thời gian 30 ngày.

b) Bên giao thầu không thanh toán cho Bên nhận thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng] sau khoảng thời gian 30 ngày kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh

toán hợp lệ.

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên nhận thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 30 ngày.

Điều 20. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

20.1. Phạt vi phạm hợp đồng

Nếu Bên nhận thầu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 01 ngày thì phạt 1% giá trị phần vi phạm hợp đồng cho 01 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

20.2. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.
- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế

Điều 21. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này bao gồm trang và 03 Phụ lục được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có hiệu lực pháp lý như nhau. Bên giao thầu sẽ giữ 04 bản, Bên nhận thầu sẽ giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU

PHỤ LỤC I: NỘI DUNG, KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Gói thầu: TV16 - Tư vấn Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khu số 1 của dự án (không bao gồm các công trình liên quan đến cấp điện, và bao gồm các hạng mục đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu số 1 và khu số 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, tỉnh Thái Nguyên

STT	Nội dung công việc	Khối lượng công việc	Giá trị trước thuế (vnđ)	Thuế GTGT (8%)	Giá trị sau thuế (vnđ)
1	Phần công việc: Tư vấn Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khu số 1 của dự án (không bao gồm các công trình liên quan đến cấp điện, và bao gồm các hạng mục đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu số 1 và khu số 2	100%			
	Tổng cộng				

PHỤ LỤC II: NHÂN LỰC CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ CỦA NHÀ THẦU

Gói thầu: TV16 - Tư vấn Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khu số 1 của dự án (không bao gồm các công trình liên quan đến cấp điện, và bao gồm các hạng mục đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu số 1 và khu số 2 thuộc

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, tỉnh Thái Nguyên

TT	Họ và tên nhân sự	Trình độ chuyên môn/ chức danh	Nhiệm vụ	Ghi chú
1				
2				

PHỤ LỤC III: MẪU HỒ SƠ NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH

Gói thầu: TV16 - Tư vấn Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khu số 1 của dự án (không bao gồm các công trình liên quan đến cấp điện, và bao gồm các hạng mục đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu số 1 và khu số 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, tỉnh Thái Nguyên



